

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP, PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số: 665 /QĐ-UBND, ngày 21 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Mường Tè)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025 đã giao tại QĐ số 4097/QĐ-UBND	Kế hoạch 2025 điều chỉnh	Chi tiết cho các xã														Tăng/giảm so với kế hoạch đã giao	Ghi chú
					Chia các xã:															
					Thị trấn	Bum Nura	Vàng San	Nậm Khao	Mường Tè	Can Hồ	Pa Vệ Sủ	Pa ú	Bum Tô	Tả Bạ	Ka Lăng	Thu Lũm	Mù Cả	Tả Tổng		
	Chăn nuôi																			
	Tổng đàn gia cầm	nghìn Con	143	146	17,3	23,0	15,0	4,8	26,7	8,9	3,6	3,4	4,2	2,0	9,1	9,8	5,3	13,0	3,0	

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 665/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Mường Tè)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025 đã giao tại QĐ số 4097/QĐ-UBND	Kế hoạch 2025 điều chỉnh	Tăng (+)/giảm (-) so với kế hoạch đã giao	Ghi chú
I	Giá trị sản xuất Công nghiệp	Tỷ đồng	1.600,8	1.556,7	-44,1	
1	Phân theo thành phần kinh tế		1.600,8	1.556,7	-44,1	
-	Quốc doanh Trung ương	Tỷ đồng				
-	Quốc doanh địa phương	Tỷ đồng	0,8	1,1	0,3	
-	CN ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	1.600,0	1.555,6	-44,4	
-	CN có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng				
2	Phân theo ngành công nghiệp	Tỷ đồng	1.600,8	1.556,7	-44,1	
-	Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	15,0	23,5	8,5	
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	14,0	83,0	69,0	
-	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước	Tỷ đồng	1.568,8	1.447,5	-121,3	
-	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	3,0	2,7	-0,3	
II	Một số sản phẩm chủ yếu					
1	Điện sản xuất	Triệu kwh	1.700			
2	Đá xây dựng	m ³	139.337	139.538	201,0	